

Số: 08/2024/QĐST- DS

Đ, ngày 14 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 299, Điều 317, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 25/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2024,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ (S)

Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Đình K- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- *Người được ủy quyền lại:* Ông Hà Văn M- Chức vụ: Giám đốc S.

- *Người được ủy quyền tham gia tố tụng:*

1. Ông Trần Hải V- Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, Khối xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ.

2. Ông Nông Văn C - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, Khối xử lý nợ Ngân

hàng TMCP Đ.

- **Bị đơn:** Bà **Đỗ Ánh N**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: **TDP F, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Các bên đương sự thỏa thuận, bà **Đỗ Ánh N** sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Đ (S)** toàn bộ số tiền nợ (tính đến ngày 05/11/2024) là **417.421.464** (Bốn trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó gồm có:

- Nợ gốc: **372.191.609 đồng;**
- Nợ lãi trong hạn: **32.543.543 đồng;**
- Nợ lãi quá hạn: **12.686.312 đồng;**

2. Về phương thức và thời hạn thanh toán:

* *Phương thức thanh toán:* Bà **Đỗ Ánh N** sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Đ (S)** toàn bộ số tiền nợ là **417.421.464** (Bốn trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) thành hai lần.

* *Thời hạn thanh toán:*

+ **Lần 1:** Ngày 15/12/2024 sẽ thanh toán cho Ngân hàng số tiền **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng) tiền nợ gốc;

+ **Lần 2:** Ngày 31/12/2024 sẽ thanh toán toàn bộ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi còn lại là **387.421.464đ** (Ba trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 06/11/2024, bà **Đỗ Ánh N** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng REF2218700387/TNA-ĐAN ngày 07/7/2022 và thẻ tín dụng cấp ngày 30/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trong trường hợp bà **Đỗ Ánh N** vi phạm bất kỳ nghĩa vụ (lần) thanh toán nào nêu trên thì **Ngân hàng TMCP Đ (S)** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà **Đỗ Ánh N** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà **Đỗ Ánh N** không trả nợ hoặc không trả đầy đủ nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ (S)**. Thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ, cụ thể:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI, số loại: ACCENT, số khung: RLUAD4BBNN078907, số máy: G4LCNG002388, Biển kiểm soát: 20A- 587.44 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20000122 do **Phòng C1 - Công an tỉnh T**

cấp ngày 06/7/2022 mang tên **Đỗ Ánh N**.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà **Đỗ Ánh N** đối với **Ngân hàng TMCP Đ (S)**. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản trên không đủ để thanh toán cho Ngân hàng, thì bà **Đỗ Ánh N** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ (S)**.

4. Về án phí:

- Bà **Đỗ Ánh N** nhận chịu toàn bộ số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 10.435.536đ (Mười triệu bốn trăm ba mươi năm nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Đ (S)** số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007310 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận DS.

THẨM PHÁN

Lê Huy Bắc